Các chỉ số quy mô VNAllshare

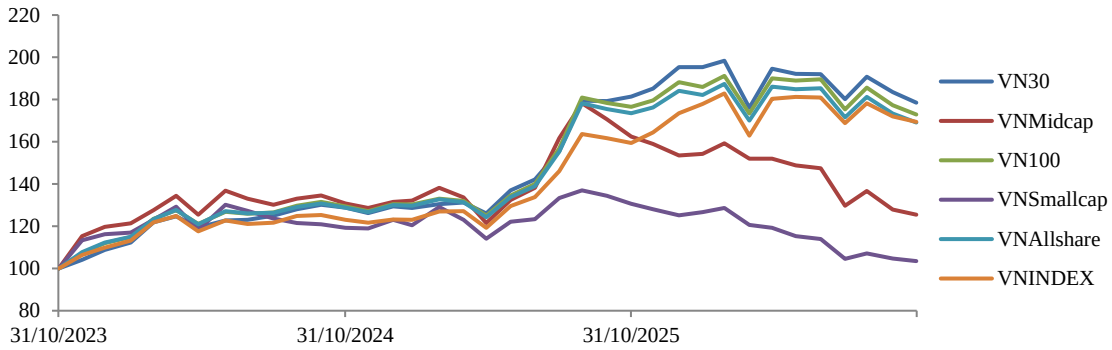
Ngày cập nhật: 30/10/2026

Các chỉ số quy mô VNAllshare là các chỉ số chỉ báo, bao gồm các cổ phiếu thành phần là các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng tư cách tham gia và các tiêu chí sàng lọc chỉ số.

Cấu trúc Các chỉ số quy mô VNAllshare

VNAllshare là chỉ số chỉ báo, bao gồm các cổ phiếu thành phần là các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng tư cách tham gia và các tiêu chí sàng lọc chỉ số.
VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.
VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.
VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.
VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2023 đến 30/10/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2023

Đặc điểm chung

Mục tiêu
Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, …

Khả năng đầu tư
Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản
Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch
Xây dựng và quản lý chỉ số được thực hiện minh bạch. Quy tắc chung và Quy tắc chỉ số cụ thể được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán
Các chỉ số được tính theo thời gian thực và công bố 5 giây/lần vào tất cả các ngày giao dịch hoặc theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

Xem xét định kỳ
Bắn niên vào tháng 1 và tháng 7.

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa
Cổ phiếu đơn lẻ là 10%. Áp dụng riêng cho Chỉ số VN30: cổ phiếu đơn lẻ là 10%, nhóm cổ phiếu có liên quan là 15%, nhóm cổ phiếu cùng ngành là 40%.

Phương pháp tính chỉ số
Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Chuẩn phân ngành
Các cổ phiếu thành phần các chỉ số được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry. Classification Standard (GICS®).

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	14.75%	15.89%	41.78%	-2.44%	-1.36%	-9.14%	-2.55%	69.14%	17.71%	19.15%	3.32%
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	-2.72%	-0.91%	-8.29%	-1.61%	78.48%	21.06%	21.30%	3.90%
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	-1.82%	-3.22%	-17.37%	-22.73%	25.53%	-1.02%	7.87%	-0.20%
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	-2.50%	-1.41%	-9.01%	-2.05%	72.85%	21.46%	20.01%	3.97%
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	-1.21%	-0.95%	-13.25%	-20.76%	3.51%	-36.31%	1.16%	-8.63%
VNINDEX	8.24%	11.93%	40.54%	-1.53%	0.34%	-6.07%	6.22%	69.39%	20.59%	19.20%	3.82%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	7.10%	10.35%	19.15%	32.54%	46.14%
VN30	7.12%	10.43%	19.26%	32.45%	45.43%
VNMidcap	7.51%	11.93%	21.31%	37.02%	53.79%
VN100	7.26%	10.57%	19.52%	32.98%	46.47%
VNSmallcap	4.61%	6.94%	13.28%	28.49%	47.23%
VNINDEX	7.42%	11.21%	19.49%	31.36%	43.22%

Độ tương quan chỉ số với VNINDEX

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	95.26%	95.11%	96.40%	97.87%	98.28%
VN30	93.42%	92.55%	95.11%	96.40%	96.77%
VNMidcap	73.40%	69.02%	76.38%	86.26%	89.22%
VN100	95.30%	95.05%	96.38%	97.80%	98.22%
VNSmallcap	69.67%	65.08%	73.79%	81.34%	82.46%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	312	30	70	100	212
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,982,693	6,420,887	1,272,517	7,693,403	289,289
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,032,506	2,286,081	612,822	2,898,904	133,602
Trung bình	9,720	76,203	8,755	28,989	630
Cao nhất	561,206	561,206	41,409	561,206	6,901
Thấp nhất	7	5,000	352	352	7
Trung vị	820	44,058	6,038	8,825	331
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	18.51%	24.55%	6.76%	19.36%	5.17%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	53.04%	70.36%	39.88%	55.49%	27.88%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallcap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Các chỉ số quy mô VNAllshare mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VNAllshare

Ngày cập nhật: 30/10/2026

VNAllshare là chỉ số chỉ báo, bao gồm các cổ phiếu thành phần là các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng tư cách tham gia và các tiêu chí sàng lọc chỉ số.

Đặc điểm chỉ số

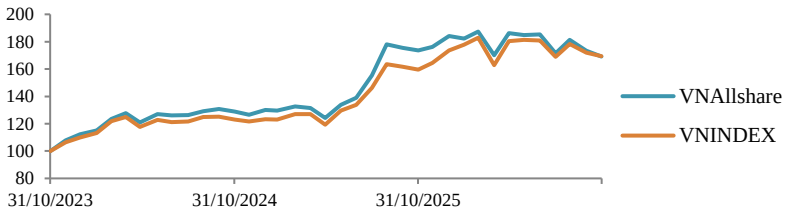
	312
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,982,693
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,032,506
Trung bình	9,720
Cao nhất	561,206
Thấp nhất	7
Trung vị	820
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	18.51%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	53.04%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VNAllshare:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VNAllshare TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2023 đến 30/10/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2023

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	7.10%	10.35%	19.15%	32.54%	46.14%

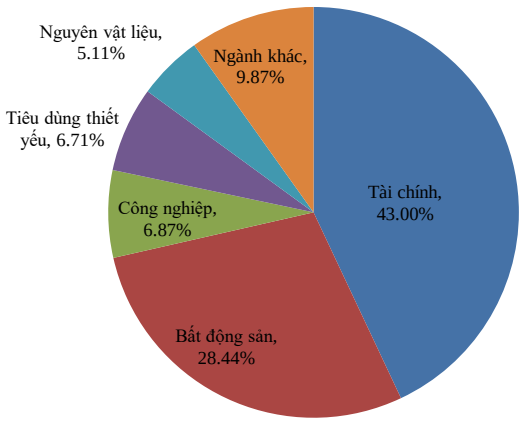
Độ tương quan chỉ số với VNINDEX

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	95.26%	95.11%	96.40%	97.87%	98.28%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	14.75%	15.89%	41.78%	-2.44%	-1.36%	-9.14%	-2.55%	69.14%	17.71%	19.15%	3.32%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	561,206	18.51%
2	VHM	Bất động sản	155,260	5.12%
3	TCB	Tài chính	126,277	4.16%
4	VPB	Tài chính	126,225	4.16%
5	STB	Tài chính	118,740	3.92%
6	HDB	Tài chính	116,603	3.85%
7	HPG	Nguyên vật liệu	106,381	3.51%
8	ACB	Tài chính	103,609	3.42%
9	MBB	Tài chính	97,163	3.20%
10	LPB	Tài chính	97,057	3.20%
		Tổng cộng	**1,608,522**	**53.04%**

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	46	1,303,989	43.00%
Bất động sản	45	862,342	28.44%
Công nghiệp	81	208,381	6.87%
Tiêu dùng thiết yếu	26	203,622	6.71%
Nguyên vật liệu	45	154,952	5.11%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallcap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Các chỉ số quy mô VNAllshare mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VN30

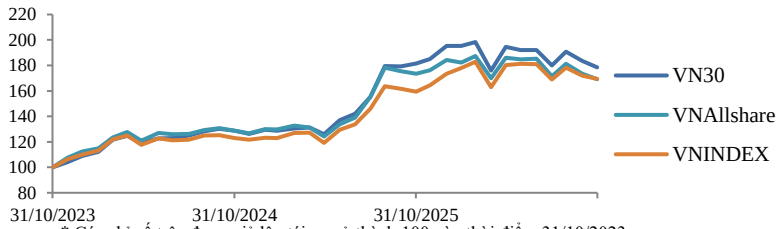
Ngày cập nhật: 30/10/2026

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	6,420,887
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,286,081
Trung bình	76,203
Cao nhất	561,206
Thấp nhất	5,000
Trung vị	44,058
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	24.55%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	70.36%

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2023 đến 30/10/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2023

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VN30:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VN30 TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: cổ phiếu đơn lẻ là 10%, nhóm cổ phiếu có liên quan là 15%, nhóm cổ phiếu cùng ngành là 40%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	7.12%	10.43%	19.26%	32.45%	45.43%

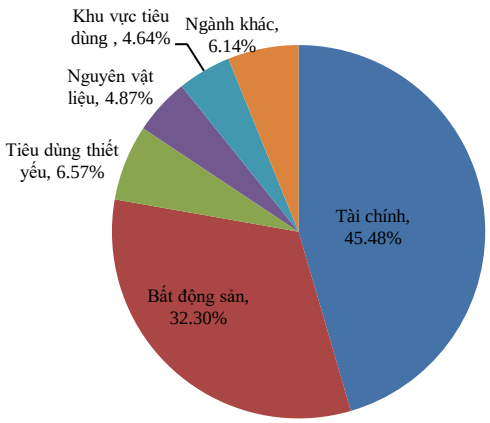
Độ tương quan chỉ số với VNINDEX

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	93.42%	92.55%	95.11%	96.40%	96.77%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	-2.72%	-0.91%	-8.29%	-1.61%	78.48%	21.06%	21.30%	3.90%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	561,206	24.55%
2	VHM	Bất động sản	155,260	6.79%
3	TCB	Tài chính	126,277	5.52%
4	VPB	Tài chính	126,225	5.52%
5	STB	Tài chính	118,740	5.19%
6	HDB	Tài chính	116,603	5.10%
7	HPG	Nguyên vật liệu	106,381	4.65%
8	ACB	Tài chính	103,609	4.53%
9	MBB	Tài chính	97,163	4.25%
10	LPB	Tài chính	97,057	4.25%
		Tổng cộng	**1,608,522**	**70.36%**

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	1,039,686	45.48%
Bất động sản	3	738,326	32.30%
Tiêu dùng thiết yếu	4	150,185	6.57%
Nguyên vật liệu	2	111,381	4.87%
Khu vực tiêu dùng	2	106,141	4.64%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallcap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Các chỉ số quy mô VNAllshare mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VNMidcap

Ngày cập nhật: 30/10/2026

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

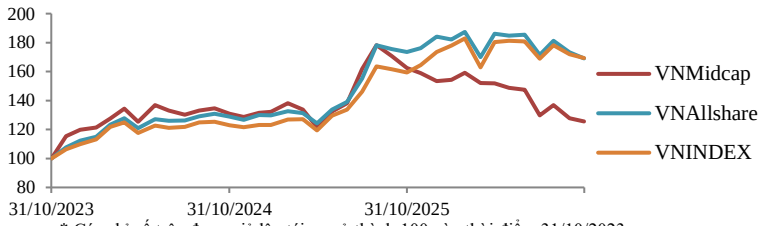
	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,272,517
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	612,822
Trung bình	8,755
Cao nhất	41,409
Thấp nhất	352
Trung vị	6,038
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.76%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	39.88%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VNMidcap:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VNMidcap TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2023 đến 30/10/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2023

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	7.51%	11.93%	21.31%	37.02%	53.79%

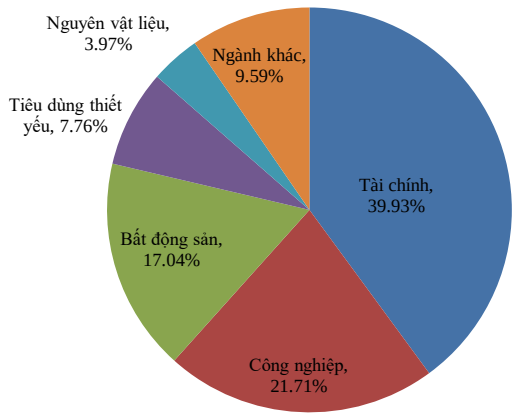
Độ tương quan chỉ số với VNINDEX

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	73.40%	69.02%	76.38%	86.26%	89.22%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	-1.82%	-3.22%	-17.37%	-22.73%	25.53%	-1.02%	7.87%	-0.20%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	MSB	Tài chính	41,409	6.76%
2	GMD	Công nghiệp	32,509	5.30%
3	VIX	Tài chính	30,874	5.04%
4	EIB	Tài chính	23,992	3.91%
5	TPB	Tài chính	22,195	3.62%
6	NAB	Tài chính	20,835	3.40%
7	GEX	Công nghiệp	20,334	3.32%
8	NVL	Bất động sản	18,320	2.99%
9	HCM	Tài chính	17,506	2.86%
10	VCK	Tài chính	16,436	2.68%
		Tổng cộng	**244,409**	**39.88%**

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	17	244,676	39.93%
Công nghiệp	17	133,053	21.71%
Bất động sản	12	104,405	17.04%
Tiêu dùng thiết yếu	8	47,557	7.76%
Nguyên vật liệu	6	24,358	3.97%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallcap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Các chỉ số quy mô VNAllshare mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VN100

Ngày cập nhật: 30/10/2026

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

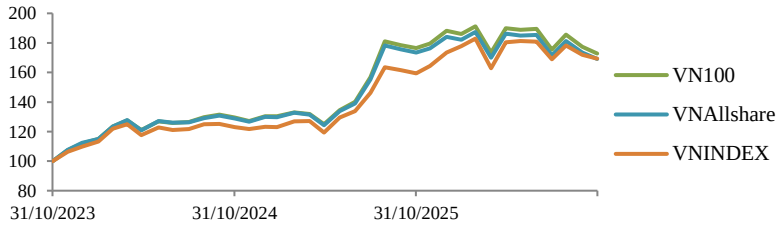
	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,693,403
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,898,904
Trung bình	28,989
Cao nhất	561,206
Thấp nhất	352
Trung vị	8,825
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	19.36%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	55.49%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VN100:** Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- **VN100TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2023 đến 30/10/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2023

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	7.26%	10.57%	19.52%	32.98%	46.47%

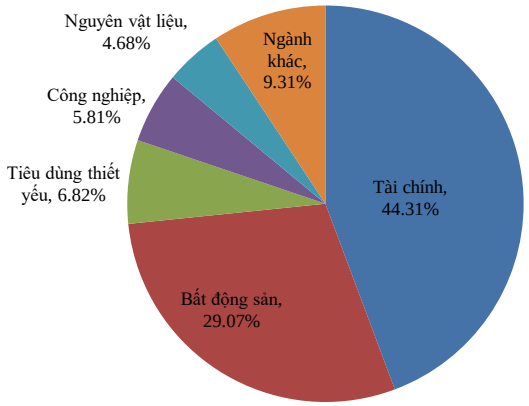
Độ tương quan chỉ số với VNINDEX

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	95.30%	95.05%	96.38%	97.80%	98.22%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	-2.50%	-1.41%	-9.01%	-2.05%	72.85%	21.46%	20.01%	3.97%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	561,206	19.36%
2	VHM	Bất động sản	155,260	5.36%
3	TCB	Tài chính	126,277	4.36%
4	VPB	Tài chính	126,225	4.35%
5	STB	Tài chính	118,740	4.10%
6	HDB	Tài chính	116,603	4.02%
7	HPG	Nguyên vật liệu	106,381	3.67%
8	ACB	Tài chính	103,609	3.57%
9	MBB	Tài chính	97,163	3.35%
10	LPB	Tài chính	97,057	3.35%
		Tổng cộng	**1,608,522**	**55.49%**

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	32	1,284,361	44.31%
Bất động sản	15	842,731	29.07%
Tiêu dùng thiết yếu	12	197,742	6.82%
Công nghiệp	18	168,477	5.81%
Nguyên vật liệu	8	135,739	4.68%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallcap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Các chỉ số quy mô VNAllshare mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VNSmallcap

Ngày cập nhật: 30/10/2026

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

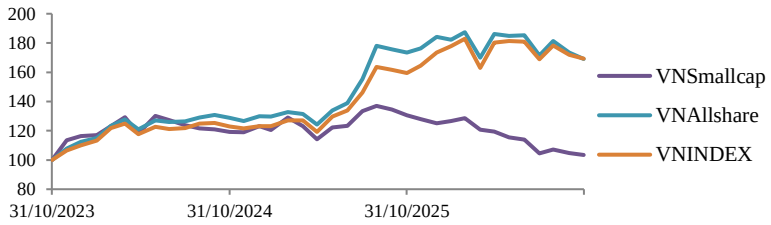
	212
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	289,289
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	133,602
Trung bình	630
Cao nhất	6,901
Thấp nhất	7
Trung vị	331
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.17%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	27.88%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VNSmallcap:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VNSmallcapTRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2023 đến 30/10/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2023

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	4.61%	6.94%	13.28%	28.49%	47.23%

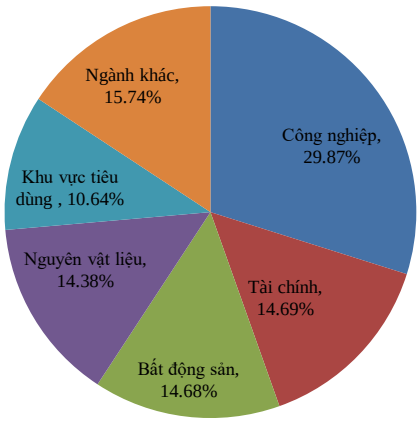
Độ tương quan chỉ số với VNINDEX

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	69.67%	65.08%	73.79%	81.34%	82.46%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	-1.21%	-0.95%	-13.25%	-20.76%	3.51%	-36.31%	1.16%	-8.63%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VAB	Tài chính	6,901	5.17%
2	HAH	Công nghiệp	5,715	4.28%
3	PET	Công nghiệp	5,535	4.14%
4	ORS	Tài chính	4,414	3.30%
5	DBD	Chăm sóc sức khỏe	3,458	2.59%
6	DHC	Nguyên vật liệu	2,737	2.05%
7	HDC	Bất động sản	2,197	1.64%
8	IJC	Công nghiệp	2,156	1.61%
9	SAM	Công nghiệp	2,105	1.58%
10	TLG	Công nghiệp	2,027	1.52%
		Tổng cộng	**37,246**	**27.88%**

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	63	39,904	29.87%
Tài chính	14	19,627	14.69%
Bất động sản	30	19,612	14.68%
Nguyên vật liệu	37	19,213	14.38%
Khu vực tiêu dùng	28	14,221	10.64%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallcap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Các chỉ số quy mô VNAllshare mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Sơ lược Quy tắc chỉ số quy mô VNAllshare

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách: Cổ phiếu **KHÔNG** thuộc một trong các diện sau:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập,… dưới 30 ngày giao dịch), đình chỉ giao dịch trong vòng 03 tháng tính đến Ngày chốt dữ liệu.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 6 tháng tính đến Ngày chốt dữ liệu, ngoại trừ cổ phiếu niêm yết trên HOSE có giá trị vốn hóa thuộc Top-5 và thời gian niêm yết trên 03 tháng.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float):

- Free-float chưa làm tròn phải đạt từ 10% trở lên;
- Trường hợp free-float chưa làm tròn dưới 10% và thỏa một trong hai điều kiện:
    - Đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số kỳ liền trước: Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float từ 2.000 tỷ đồng trở lên; hoặc
    - Đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số kỳ liền trước: Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float từ 2.500 tỷ đồng trở lên.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải thỏa mãn điều kiện:

- Đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số kỳ liền trước: Tỷ suất quay vòng tối thiểu là 0.04%; hoặc
- Đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số kỳ liền trước: Tỷ suất quay vòng tối thiểu là 0.05%

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare chọn cổ phiếu đáp ứng điều kiện có khối lượng giao dịch khớp lệnh tối thiểu 300.000 cổ phiếu/ngày và giá trị giao dịch khớp lệnh tối thiểu 30 tỷ đồng/ngày, loại trừ các cổ phiếu thuộc diện cảnh báo và có lợi nhuận sau thuế âm.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

Cổ phiếu niêm yết trên HOSE được S&P Dow Jones Indices và MSCI thực hiện phân ngành theo chuẩn phân ngành GICS®.

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P Dow Jones Indices kết hợp với MSCI xây dựng. GICS® là thương hiệu độc quyền của S&P Dow Jones Indices và MSCI và cấp quyền cho HOSE sử dụng.

Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được S&P Dow Jones Indices và MSCI chịu trách nhiệm quản lý, công bố và được HOSE cập nhật tại trang thông tin điện tử: www.hsx.vn.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn